

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Số: /BC-TTPVHCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(từ ngày 01 tháng 8 năm 2021 đến ngày 31 tháng 8 năm 2021)

S T T	Cơ quan	Hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết (Từ ngày 01/01/2021 đến kỳ này)										Thực hiện kỳ này									Ghi chú
												Hồ sơ tiếp nhận			Kết quả giải quyết						
		Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó									Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó		Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết			
			Tiếp nhận Trực tuyến (mức độ 3, 4)	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết		Kỳ này		Kỳ trước chuyển sang	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
					Tổng số	Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong đó		Tổng số	Trong đó					Quá hạn	Trước hạn và đúng hạn		Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	439	217	1	421	38	419	2	18	18	0	90	59	31	72	71	1	18	18	0	
2	Sở Công Thương	7.938	7.361	0	7.870	22	7.870	0	68	68	0	1.075	1.057	18	1.007	1.007	0	68	68	0	
3	Sở Du lịch	72	63	0	71	60	71	0	1	1	0	7	6	1	6	6	0	1	1	0	
4	Sở Giao thông vận tải	7.170	698	0	6.894	1	6.894	0	276	276	0	764	363	401	488	488	0	276	276	0	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	492	73	0	478	121	478	0	14	14	0	127	115	12	113	113	0	14	14	0	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	64	60	1	64	26	64	0	0	0	0	29	28	1	29	29	0	0	0	0	

S T T	Cơ quan	Hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết (Từ ngày 01/01/2021 đến kỳ này)										Thực hiện kỳ này									Ghi chú
												Hồ sơ tiếp nhận			Kết quả giải quyết						
		Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó									Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó		Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết			
			Tiếp nhận qua Trực tuyến (mức độ 3, 4)	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết		Tổng số				Trong đó		Tổng số	Trong đó			
Tổng số	Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích				Trong đó		Tổng số	Trong đó	Quá hạn	Trước hạn và đúng hạn					Quá hạn	Trước hạn và đúng hạn		Quá hạn			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)					(8)	(9)	(10)	(11)			(12)		(13)	(14)	(15)
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.889	66	1	2.863	41	2.766	97	26	25	1	154	135	19	128	125	3	26	25	1	
8	Sở Lao Động - TBXH	2.488	636	8	2.458	19	2.458	0	30	30	0	278	252	26	248	248	0	30	30	0	
9	Sở Ngoại vụ	6	4	0	6	2	6	0	0	0	0	1	1	0	1	1	0	0	0	0	
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	4.322	3.774	9	4.285	230	4.285	0	37	37	0	603	527	76	566	566	0	37	37	0	
11	Sở Nội vụ	410	134	0	384	3	383	1	26	26	0	117	88	29	91	91	0	26	26	0	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	121	105	0	115	33	112	3	6	6	0	19	19	0	13	13	0	6	6	0	
13	Sở Tài chính	117	89	0	115	6	115	0	2	2	0	23	20	3	21	21	0	2	2	0	
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	9.784	189	0	9.195	27	9.156	39	589	589	0	1.546	965	581	957	957	0	589	589	0	
15	Sở Tư pháp	4.633	1.746	0	4.594	247	4.594	0	39	39	0	235	108	127	196	196	0	39	39	0	
16	Sở Văn hóa và Thể thao	209	190	0	209	56	209	0	0	0	0	68	68	0	68	68	0	0	0	0	
17	Sở Xây dựng	1.254	688	9	1.146	262	1.146	0	108	108	0	237	131	106	129	129	0	108	108	0	

S T T	Cơ quan	Hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết (Từ ngày 01/01/2021 đến kỳ này)										Thực hiện kỳ này									Ghi chú
												Hồ sơ tiếp nhận			Kết quả giải quyết						
		Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó									Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó		Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết			
			Tiếp nhận Trực tuyến (mức độ 3, 4)	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết		Tổng số				Trong đó		Tổng số	Trong đó			
					Tổng số	Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong đó		Tổng số	Trong đó					Quá hạn	Tổng số		Trước hạn và đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
18	Sở Y tế	1.147	700	201	1.116	1.019	1.116	0	31	31	0	155	85	70	124	124	0	31	31	0	
19	Ban Dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
20	Công ty Điện lực Bình Định	7	1	0	4	1	4	0	3	3	0	6	0	6	3	3	0	3	3	0	
21	Văn Phòng UBND tỉnh	1.086	0	0	1.014	0	1.014	0	72	72	0	213	146	67	141	141	0	72	72	0	
22	UBND TP. Quy Nhơn	25.980	1.092	24	25.231	368	25.004	227	749	736	13	2.301	1.553	748	1.552	1.542	10	749	736	13	
23	UBND thị xã An Nhơn	9.145	3	0	9.029	2	8.995	34	116	116	0	215	34	181	99	99	0	116	116	0	
24	UBND huyện Phù Cát	9.707	133	1	9.528	84	9.421	107	179	179	0	850	596	254	671	670	1	179	179	0	
25	UBND huyện Phù Mỹ	8.087	42	0	7.900	40	7.739	161	187	187	0	890	741	149	703	703	0	187	187	0	
26	UBND thị xã Hoài Nhơn	13.256	74	15	12.596	327	12.428	168	660	660	0	1.917	1.247	670	1.257	1.257	0	660	660	0	
27	UBND huyện Hoài Ân	2.947	341	348	2.894	565	2.879	15	53	53	0	376	336	40	323	320	3	53	53	0	
28	UBND huyện An Lão	2.798	68	1	2.756	53	2.754	2	42	42	0	391	299	92	349	349	0	42	42	0	
29	UBND huyện Tây Sơn	7.108	259	1	6.948	166	6.894	54	160	158	2	971	829	142	811	810	1	160	158	2	

S T T	Cơ quan	Hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết (Từ ngày 01/01/2021 đến kỳ này)										Thực hiện kỳ này									Ghi chú
												Hồ sơ tiếp nhận			Kết quả giải quyết						
		Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó									Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó		Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết			
			Tiếp nhận Trực tuyến (mức độ 3, 4)	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết		Kỳ này		Kỳ trước chuyển sang	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
Tổng số	Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong đó			Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	Trước hạn và đúng hạn	Quá hạn	Tổng số		Trong hạn			Quá hạn						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
30	UBND huyện Vĩnh Thạnh	1.826	95	0	1.808	45	1.798	10	18	18	0	184	144	40	166	165	1	18	18	0	
31	UBND huyện Tuy Phước	10.877	50	58	10.726	314	10.471	255	151	151	0	980	757	223	829	814	15	151	151	0	
32	UBND huyện Vân Canh	1.574	37	4	1.513	27	1.326	187	61	55	6	199	121	78	138	132	6	61	55	6	
Σ	Tổng số	136.867	18.988	682	133.217	4.205	131.855	1.362	3.650	3.628	22	14.808	10.684	4.124	11.158	11.117	41	3.650	3.628	22	

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành liên quan (để phối hợp);
- UBND các huyện, TX, TP (để phối hợp);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, P.HC-TC, KSTT, K3.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Trung Du